TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 1099/2025/DS-ST
Ngày 24/9/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Hương
Bà Đoàn Thị Kim Ngoan

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Giang - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2836/2024/TLST-DS ngày 13/12/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1338/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2547/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín, địa chỉ trụ sở: ***-*** đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh - Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền bà Vũ Thị Thạch T, Địa chỉ: *** đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh - có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1989, Địa chỉ: *** đường N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh- vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/09/2017 Bà T có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể: loại thẻ: VS payWave Cre Classic, số thẻ: ****** - 9354, hạn mức: 15.000.000, lãi suất: 2.77%/tháng

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 62.146.310 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 72.363.077 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 02 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/04/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).Tính đến ngày 24/09/2025, bà T còn nợ các khoản sau: Dư nợ gốc: 16.430.852 đồng, Lãi quá hạn: 20.633.392 đồng, Tổng cộng: 37.064.244 (Ba mươi bảy triệu, sáu mươi bốn nghìn, hai trăm bốn mươi bốn đồng)

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 16.430.852 đồng với lãi suất quá hạn là 4.149% (2.77%x150%)/ tháng (lãi trong hạn 2.77%) từ ngày 01/04/2023 ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 24/9/2025 với tổng số tiền là 37.064.244 (Ba mươi bảy triệu, sáu mươi bốn nghìn, hai trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc: 16.430.852 đồng, Lãi quá hạn: 20.633.392 đồng và buộc bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/09/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án nhưng vắng mặt, không có bản khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị

án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nên cần khắc phục.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T theo quy định của pháp luật nhưng đương sự nói trên vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 2- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn có đại diện hợp pháp là bà Thảo có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án nhưng vắng mặt, không có bản khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn, do đó căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do tòa án thu thập, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Bà Nguyễn Thị Thu T có làm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/9/2017 với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín để mở thẻ tín dụng VS payWave Cre Classic, số thẻ: ****** - 9354, hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị Thu T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 62.146.310 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Nguyễn Thị Thu T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 72.363.077 đồng, phía nguyên đơn đã nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị Thu T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Nguyễn Thị Thu T vi phạm nghĩa vụ thanh toán Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Nguyễn Thị Thu T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá từ ngày 01/4/2023 và yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T phải thanh toán cho

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/9/2025 với tổng số tiền là 37.064.244 (Ba mươi bảy triệu, sáu mươi bốn nghìn, hai trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc: 16.430.852 đồng, Lãi quá hạn: 20.633.392 đồng và yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/9/2017 là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Cụ thể bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.853.212 (một triệu tám trăm năm mươi ba nghìn hai trăm mười hai) đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín đã nộp là 723.293 (bảy trăm hai mươi ba nghìn hai trăm chín mươi ba) đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh) theo biên lai số 0067952 ngày 12/12/2024.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm tính đến ngày 24/9/2024 là 37.064.244 (Ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc: 16.430.852 đồng, Lãi quá hạn: 20.633.392 đồng

2. Bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/9/2017.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.853.212 (một triệu tám trăm năm mươi ba nghìn hai trăm mười hai) đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín đã nộp là 723.293 (bảy trăm hai mươi ba nghìn hai trăm chín mươi ba) đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh) theo biên lai số 0067952 ngày 12/12/2024.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7a, 7b, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV2- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV2- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng